

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2 – ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 359/2025/DSST

Ngày: 12/11/2025

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2, TỈNH ĐỒNG THÁP**

* Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Trinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Năm

2. Ông Nguyễn Văn Tâm

* Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Hùng Mạnh – Là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 12 tháng 11 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 257/2025/TLST-DS ngày 01/10/2025, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 584/2025/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 10 năm 2025, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Q**, sinh năm 1958; (Có mặt)

Địa chỉ: Số A H, phường G, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện ủy quyền: Nguyễn Hồ Huy D, sinh năm 1978 (Có mặt)

Địa chỉ: Số I đường B, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh (Địa chỉ cũ Số I đường B, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh)

* Bị đơn:

- Ông **Phan Văn H**, sinh năm 1971; (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã Đ, tỉnh Đồng Tháp.

- Bà **Trịnh Thị Ngọc H1**, sinh năm 1975; (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã Đ, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình tố tụng, anh D là đại diện ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Ngày 30/5/2020, bà Q có cho anh H và chị H1 vay số tiền 900.000.000 đồng, có lập biên nhận có chữ kí và ghi họ tên chị Trịnh Thị Ngọc H1 và anh Phan Văn H, hai bên thỏa thuận lãi suất là 1,8%/tháng, thỏa thuận 02 tháng trả nợ. Quá trình thực hiện, chị H1 và anh H

không trả được khoản tiền vốn, tiền lãi nào cho đến nay mặc dù bà Q đã nhiều lần yêu cầu trả nợ. Nên bà Q khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Phan Văn H và bà Trịnh Thị Ngọc H1 trả cho bà Q số tiền gốc 900.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 30/05/2020 đến khi xét xử xong theo mức lãi suất pháp luật quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 là 20%/năm (Tiền lãi tạm tính đến ngày 12/11/2025 là $900.000.000 \text{ đồng} \times 1.667 \% \times 64 \text{ tháng} = 973.194.000 \text{ đồng}$); Tổng cộng tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày 12/11/2025 là 1.873.194.000 đồng, thời gian trả tiền ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

* Bị đơn chị H1 trình bày: Chị H1 xác nhận chữ kí trong biên nhận mà bà Q cung cấp cho Tòa án là của chị H1 và anh H, chị H1 thừa nhận anh chị có vay của bà Q số tiền 900.000.000 đồng thỏa thuận 02 tháng trả, nhưng do gặp covid, thanh long mất giá, lúa gạo sụt giảm nên mất khả năng trả nợ cho bà Q. Nay chị H1 đồng ý trả tiền vốn cho bà Q là 900.000.000 đồng, nhưng xin trả dần mỗi tháng là 2.000.000 đồng cho đến khi hết nợ, xin không trả tiền lãi.

* Trong suốt quá trình tố tụng bị đơn Phan Văn H vắng mặt, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn H nhưng anh H không có văn bản trình bày ý kiến phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên không có ý kiến trình bày.

* Tại phiên tòa qua vận động của Hội đồng xét xử và trên cơ sở tình nghĩa giữa đôi bên, bà Q thống nhất giảm mức lãi suất cho ông H và bà H1, bà Q yêu cầu trả tiền lãi theo mức lãi suất là 12%/năm tương ứng số tiền lãi phải trả đến ngày 12/11/2025 là 585.000.000 đồng, nếu bà Q đã giảm lãi cho ông H và bà H1 nhưng khi án có hiệu lực pháp luật mà ông H và bà H1 không thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho bà Q thì ông H và bà H1 tiếp tục có nghĩa vụ trả tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Q khởi kiện bị đơn ông Phan Văn H và bà Trịnh Thị Ngọc H1, ngụ tại ấp T, xã Đ, tỉnh Đồng Tháp yêu cầu bị đơn trả số tiền vay là 900.000.000 đồng và tiền lãi, bị đơn H1 thừa nhận nghĩa vụ và xin không trả lãi nên quan hệ tranh chấp giữa các bên đương sự là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại Điều 26, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng: Bị đơn Phan Văn H có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn Phan Văn H.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về yêu cầu khởi kiện: Hội đồng xét xử nhận thấy bà Q với ông H và bà H1 tự nguyện thỏa thuận vay tiền, có lập thành văn bản là biên nhận ngày 30/5/2020, theo thỏa thuận ông H và bà H1 vay của bà Q số tiền là 900.000.000 đồng, với mức lãi suất là 1,8%/tháng, trả tiền trong thời hạn 02 tháng kể từ ngày vay; Quá thời hạn vay mà bên ông H và bà H1 không trả tiền vốn và lãi cho bà Q; Mặc dù bà Q đã liên hệ với ông H và bà H1 để yêu cầu trả tiền và vạch ra hướng trả nợ giúp cho ông H và bà H1 nhưng ông H và bà H1 không thực hiện được việc trả tiền. Bà H1 thừa nhận khoản vay đúng như biên nhận mà bà Q cung cấp cho Tòa án, bà H1 đồng ý trả khoản vay 900.000.000 đồng cho bà Q. Ông H không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà Q mặc dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng thông báo cho ông H biết yêu cầu khởi kiện của bà Q. Do đó bà Q không có nghĩa vụ phải chứng minh đối với tài liệu chứng cứ đã nộp cho Tòa án là phù hợp với quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Ông H và bà H1 không trả tiền vay khi đã quá thời hạn vay và đến nay bà Q là người cho vay khởi kiện yêu cầu ông H và bà H1 có nghĩa vụ trả số tiền đã vay là có cơ sở chấp nhận, phù hợp với quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3.2] Về lãi suất: Theo thỏa thuận của các đương sự tại biên nhận ngày 30/5/2020, thì bị đơn trả lãi cho nguyên đơn theo mức lãi suất là 1,8%/tháng. Tuy nhiên, nguyên đơn khởi kiện tại Tòa chỉ yêu cầu bị đơn trả tiền lãi theo mức lãi suất pháp luật quy định từ ngày vay 30/5/2020 đến khi xét xử xong, theo mức lãi suất là 20%/năm được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; bị đơn H1 xin không trả lãi nhưng không được nguyên đơn đồng ý, nhằm để bảo vệ quyền lợi của nguyên đơn và tính nhân văn, nên bà Q đồng ý giảm lãi suất xuống mức lãi suất là 12%/năm. Hội đồng xét xử nhận thấy mức lãi suất mà nguyên đơn yêu cầu là có cơ sở chấp nhận, phù hợp với quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3.3] Về thời gian trả tiền: Nguyên đơn yêu cầu trả tiền khi án có hiệu lực pháp luật, bị đơn H1 trình bày do hoàn cảnh khó khăn, làm ăn thất bại nên xin trả dần mỗi tháng là 2.000.000 đồng cho đến khi hết nợ, bị đơn H vắng mặt không có ý kiến trình bày. Hội đồng xét xử nhận thấy bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo thỏa thuận của các bên, hơn nữa từ ngày vi phạm đến nay phía bị đơn không trả cho nguyên đơn được khoản tiền nào, bị đơn không có thiện chí trả nợ nên cần chấp nhận yêu cầu trả tiền khi án có hiệu lực pháp luật theo yêu cầu của nguyên đơn.

[3.4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà Q được chấp nhận nên ông H và bà H1 phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[3.4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017)

- Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147 và Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 12 và Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Q.

1/ Buộc ông Phan Văn H và bà Trịnh Thị Ngọc H1 có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Q số tiền là 1.485.000.000 đồng (Một tỷ bốn trăm tám mươi lăm triệu đồng) (Trong đó tiền vốn là 900.000.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày xét xử 12/11/2025 là 585.000.000 đồng); Thời gian thực hiện trả tiền khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu người phải thi hành án không chịu trả tiền thì hàng tháng phải trả tiền lãi tương ứng với số tiền và thời gian chậm thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2/ Về án phí:

- Ông Phan Văn H và bà Trịnh Thị Ngọc H1 phải có nghĩa vụ liên đới nộp số tiền 56.550.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Nguyễn Thị Q thuộc trường hợp người cao tuổi, được miễn nộp tạm ứng án phí nên không hoàn lại tạm ứng án phí cho bà Nguyễn Thị Q.

3/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án đối với đương sự có mặt tại phiên tòa và kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 2, tỉnh Đồng Tháp;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Diễm Trinh

